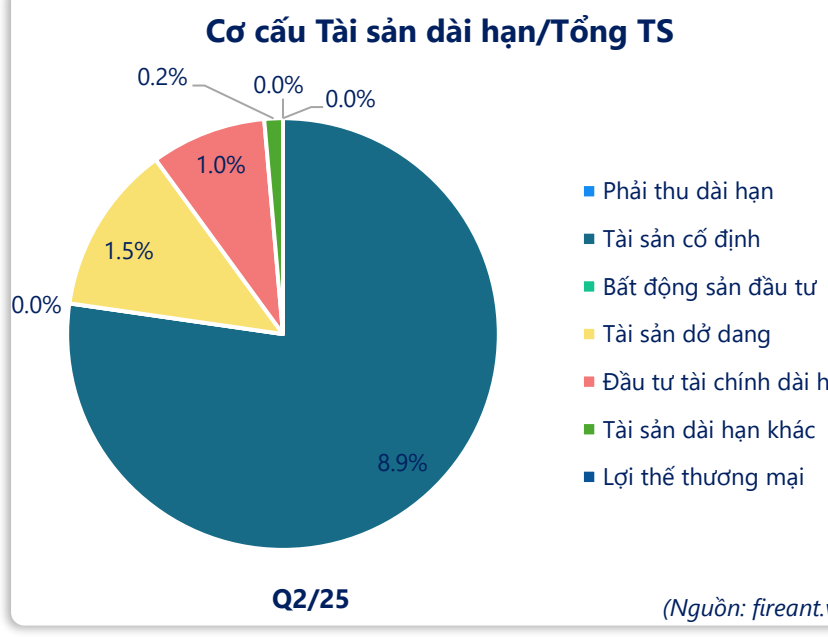
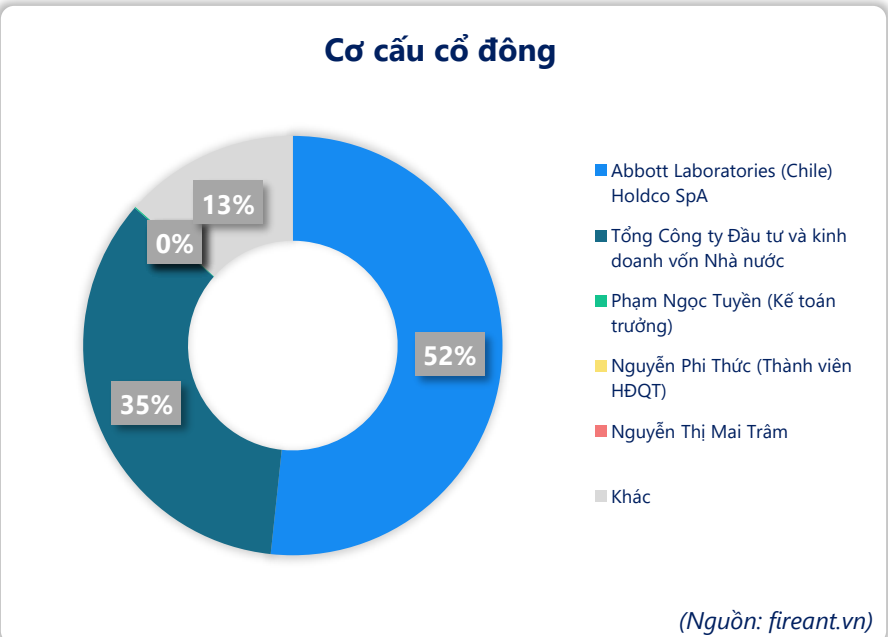
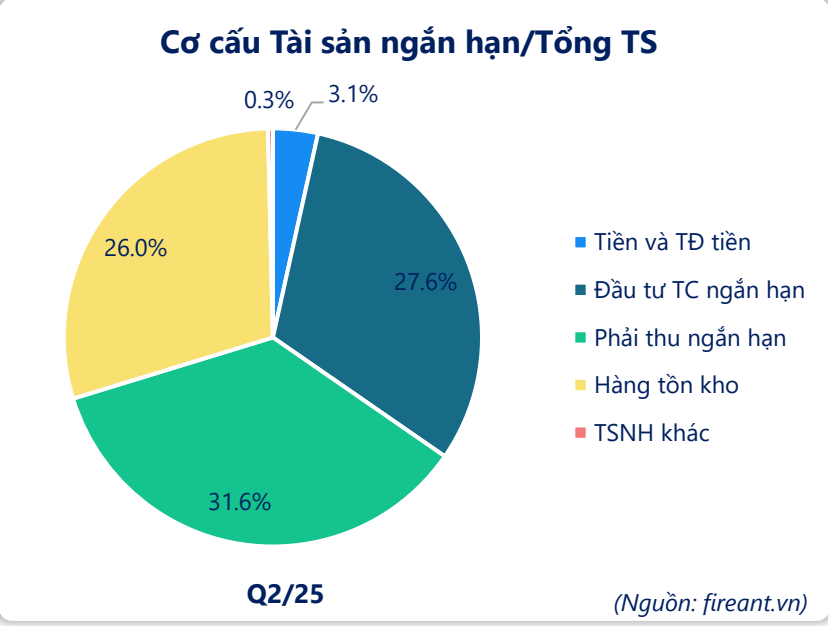
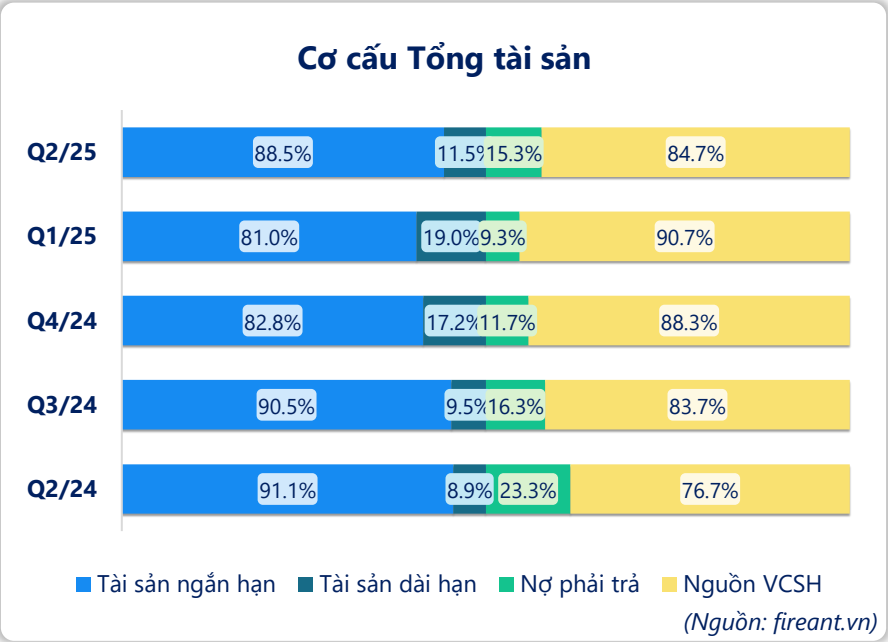
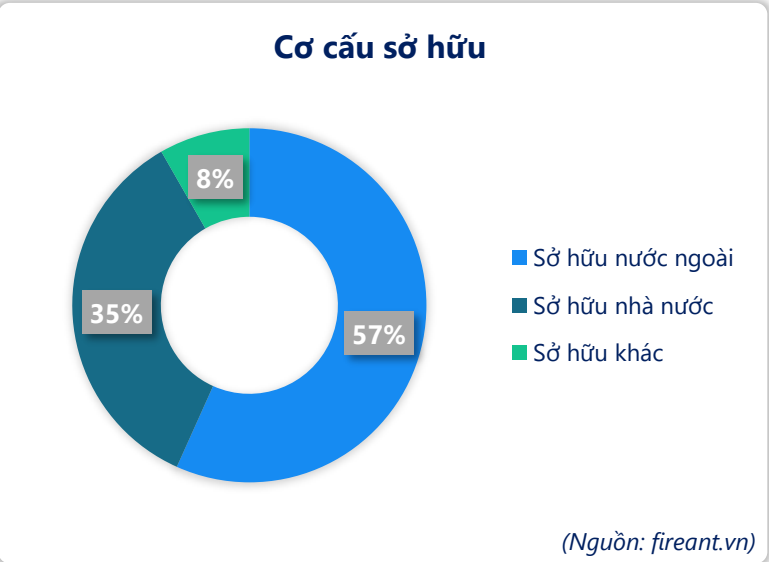
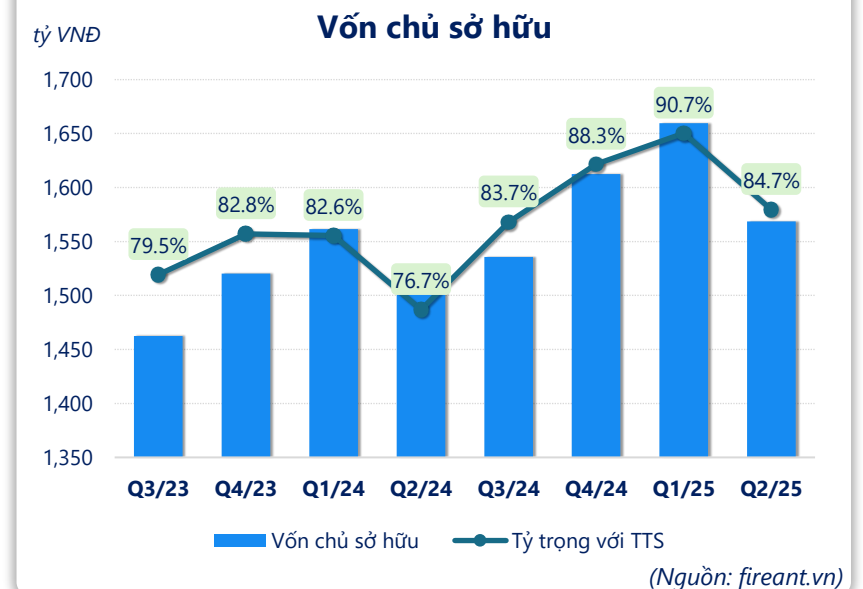
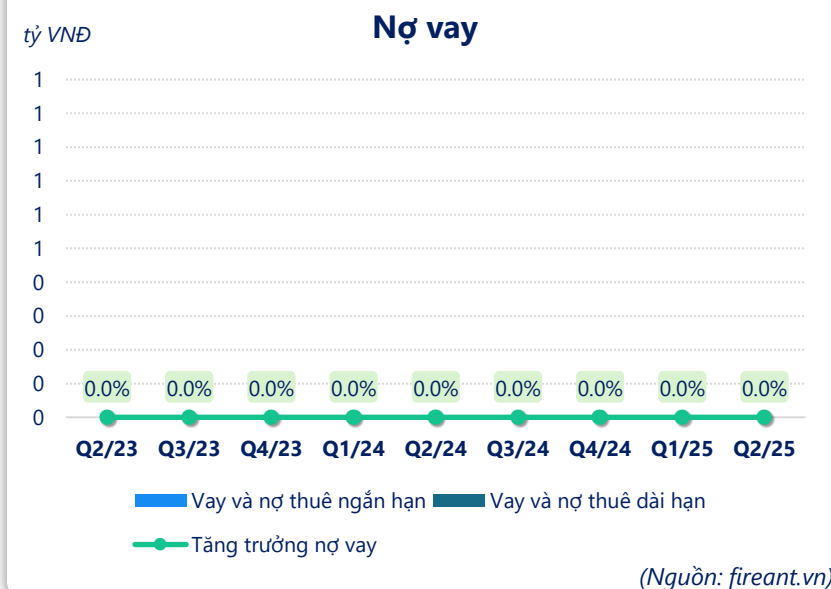
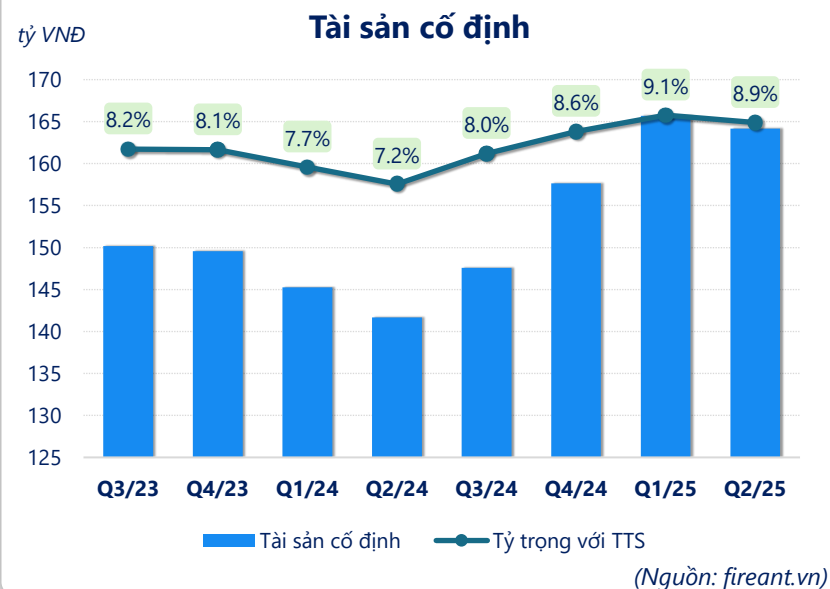
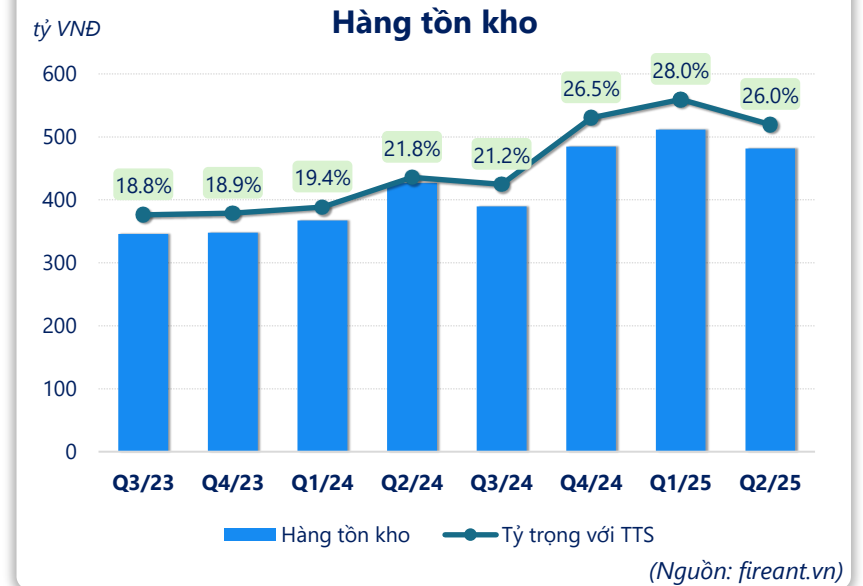
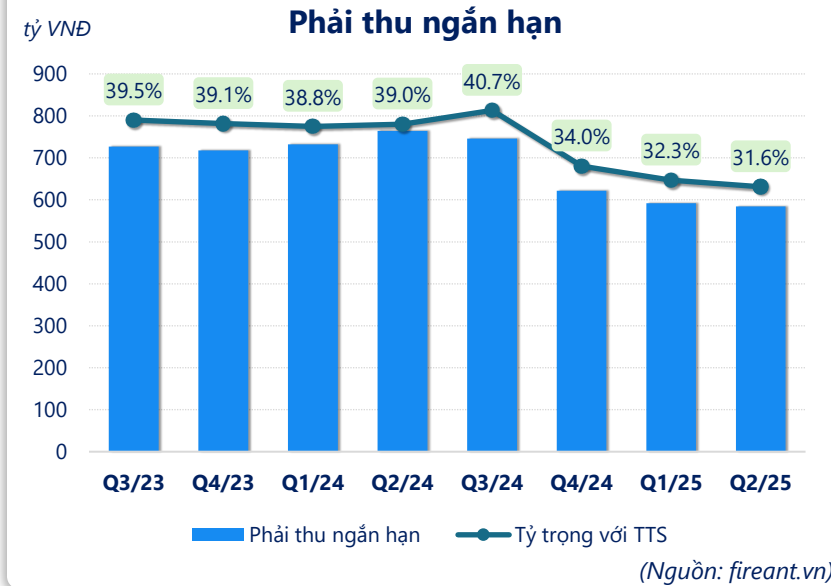
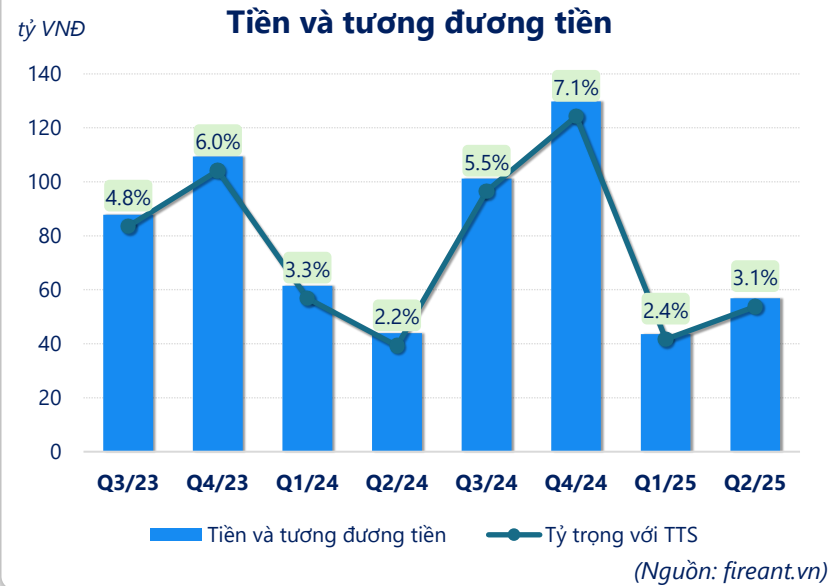
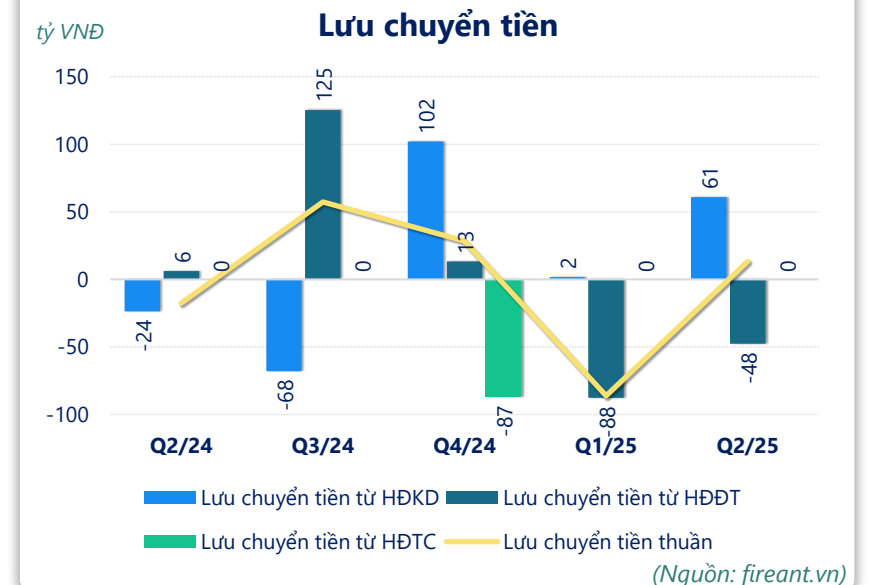
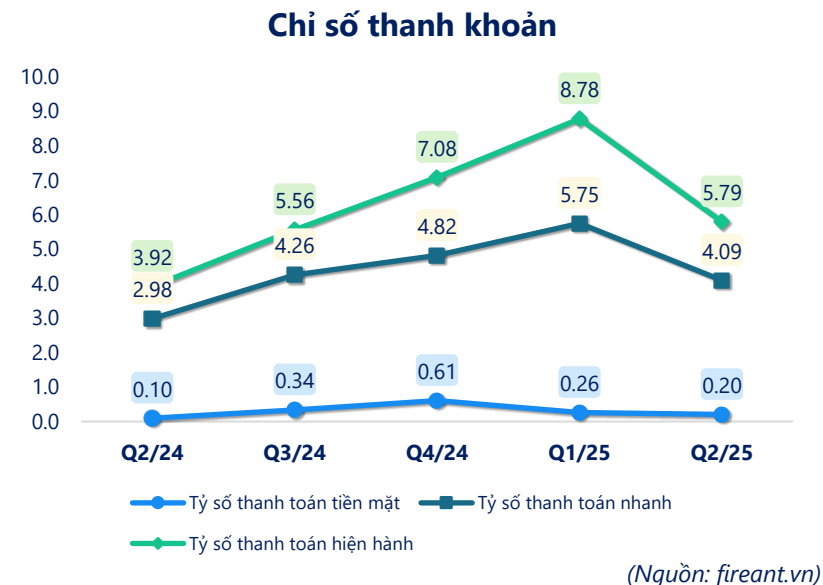
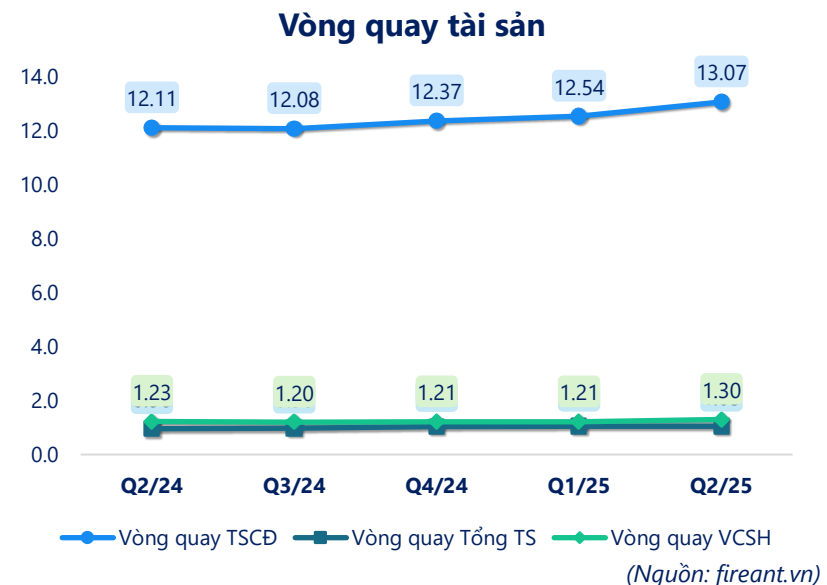
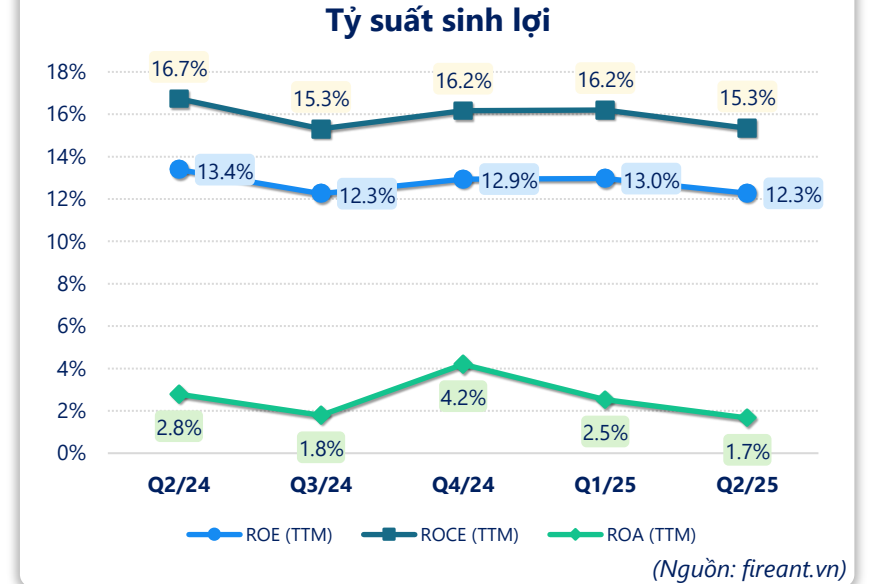
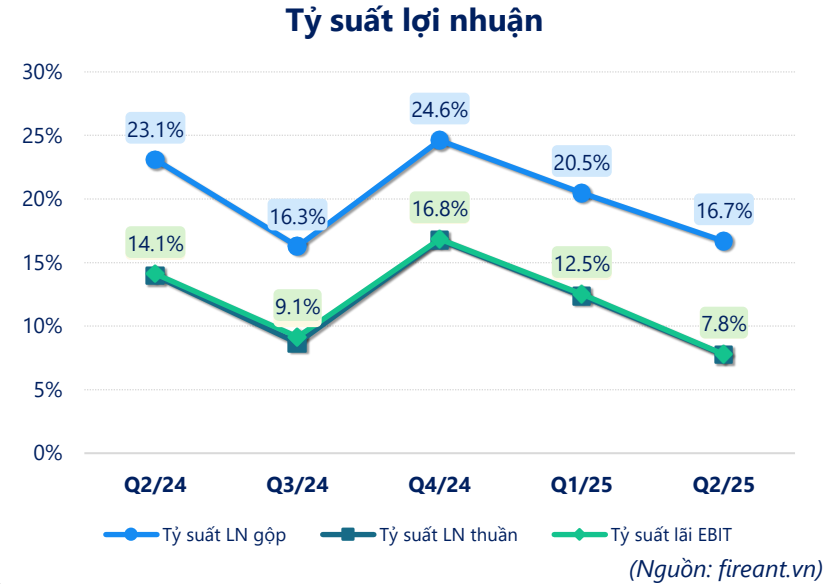
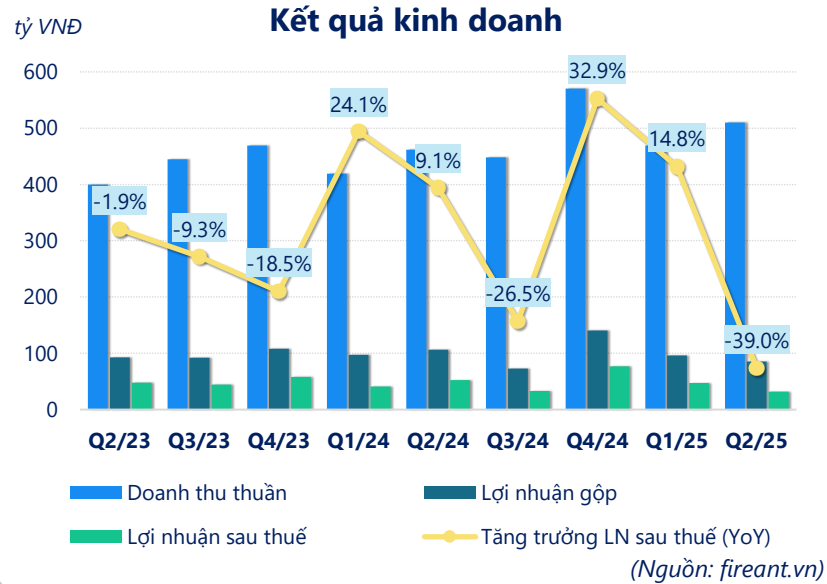


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		62,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		79,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		51,743
SL cổ phiếu LH		34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,070
% sở hữu nước ngoài		56.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,160
P/E		11.5
EPS		5,425

	YTD	1T	3T	6T
DMC	-11.8%	3.8%	-4.6%	-4.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,852	1,841	0.6%
Tài sản ngắn hạn	1,640	1,527	7.4%
Tiền và tương đương tiền	56.9	130	-56.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	511	274	86.5%
Phải thu ngắn hạn	584	622	-6.1%
Hàng tồn kho	481	494	-2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	6.19	7.01	-11.7%
Tài sản dài hạn	212	313	-32.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	164	158	4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.0	24.7	9.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.4	128	-85.7%
Tài sản dài hạn khác	2.96	2.65	11.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	284	228	24.4%
Nợ ngắn hạn	283	228	24.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	134	161	-16.8%
Nợ dài hạn	0.51	0.46	9.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,569	1,613	-2.7%
Vốn chủ sở hữu	1,569	1,613	-2.7%
Vốn điều lệ	347	347	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	462	448	571	469	510
Giá vốn hàng bán	355	375	430	373	425
Lợi nhuận gộp	107	72.9	140	96.1	85.1
Doanh thu HĐTC	6.90	11.3	3.29	11.8	2.24
Chi phí TC	3.25	0.19	1.19	1.18	3.60
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	27.1	26.5	27.4	28.1	25.3
Chi phí QLDN	18.8	18.7	19.4	20.5	19.0
LN thuần từ HĐKD	64.4	38.8	95.7	58.0	39.5
Lợi nhuận khác	0.73	2.19	0.38	0.78	0.17
LN trước thuế	65.1	41.0	96.1	58.8	39.7
Lợi nhuận sau thuế	52.1	32.8	76.9	47.0	31.7
LNST của CĐ cty mẹ	52.1	32.8	76.9	47.0	31.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.8	-68.0	102	1.57	60.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.23	125	13.1	-87.7	-47.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-86.8	0	0
Tiền đầu kỳ	61.5	43.9	101	130	43.6
Lưu chuyển tiền thuần	-17.6	57.3	28.5	-86.2	13.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	43.9	101	130	43.6	56.9

(Nguồn: fireant.vn)